ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH, KINH PHÍ THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỢT 3 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1165 /QĐ-UBND ngày 02 /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm	
			Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	*Ngân sách nhà nước cấp*
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3*
	TỔNG CỘNG	**7.805.697,000**	**186.444,000**	**7.619.253,000**
I	**CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**	**1.460.154,000**	**27.528,000**	**1.432.626,000**
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	226.935,000	0,000	226.935,000
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	436.758,000	27.528,000	409.230,000
3	Sở Khoa học và Công nghệ	295.359,000	0,000	295.359,000
4	Sở Y tế	298.078,000	0,000	298.078,000
5	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	203.024,000	0,000	203.024,000
II	**UBND CÁC HUYỆN**	**6.345.543,000**	**158.916,000**	**6.186.627,000**
1	UBND huyện Cao Lộc	834.708,000	0,000	834.708,000
2	UBND huyện Lộc Bình	906.855,000	0,000	906.855,000
3	UBND huyện Văn Lãng	514.335,000	47.898,000	466.437,000
4	UBND huyện Bình Gia	174.686,000	0,000	174.686,000
5	UBND huyện Đình Lập	1.313.731,000	35.748,000	1.277.983,000
6	UBND huyện Chi Lăng	971.539,000	0,000	971.539,000
7	UBND huyện Hữu Lũng	255.211,000	14.094,000	241.117,000
8	UBND huyện Văn Quan	1.374.478,000	61.176,000	1.313.302,000

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giản biên chế	Tuổi khi tính giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (01)																										**226.935.000**	**0,000**	**226.935.000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (01)**																										**226.935.000**	**0,000**	**226.935.000**	
1	**Trần Hồng Đức**	**02-02-1966**	**Đại học Thương Nghiệp**	**Phó Chánh Thanh tra**	**6,44**	**01-04-2024**	**0,30**	**01-04-2024**	**6%**	**01-04-2024**							**12.860,000**	**10.086,000**	**34,0**		**01-07-2024**	**58- 5/12**	☑				**226.935.000**		**226.935.000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,30	01-04-2024	6%	01-04-2024					6,44	01-04-2024		38.580,000												
							0,30	01-08-2023	5%	01-08-2023					6,44	01-08-2023		101.909,000												
							0,30	01-07-2023	5%	01-07-2023					6,10	01-07-2023		12.096,000												
							0,30	01-04-2023	5%	01-04-2023					6,10	01-04-2023		30.038,000												
							0,30	01-08-2020							6,10	01-08-2020		305.152,000												
							0,30	01-07-2019							5,76	01-07-2019		117.382,000												

Danh sách này ấn định 01 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 /7 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (02)																										**436.758,000**	**27.528,000**	**409.230,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (02)**																										**436.758,000**	**27.528,000**	**409.230,000**	
1	**Nguyễn Thị Thu Loan**	**19-01-1970**	**Thạc sĩ Giáo dục học**	**Giáo viên, Trường THPTDT Nội trú tỉnh**	**5,36**	**01-05-2024**	**0,00**		**28%**	**01-05-2024**							**12.349.000**	**9.854.000**	**30,5**		**01-07-2024**	**54- 6/12**	☑				**189.690.000**		**189.690.000**	Trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật BHXH, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Năm 2024 nghỉ ốm 61 ngày làm việc)
									28%	01-05-2024					5,36	01-05-2024		24.699.000											
									27%	01-04-2024					5,36	01-04-2024		12.253.000											
									27%	01-01-2024					5,36	01-01-2024		0,000											
									27%	01-07-2023					5,36	01-07-2023		73.518,000											
									27%	01-05-2023					5,36	01-05-2023		20.285,000											
									26%	01-05-2022					5,36	01-05-2022		120.754,000											
									25%	01-05-2021					5,02	01-05-2021		112.197,000											
									24%	01-01-2021					5,02	01-01-2021		37.100,000											
									24%	01-05-2020					4,98	01-05-2020		73.608,000											
									23%	01-07-2019					4,98	01-07-2019		91.268,000											
									23%	01-04-2019					4,98	01-04-2019		25.543,000											
2	**Hoàng Thị Nhớ**	**11-02-1974**	**Đại học sư phạm Ngoại ngữ**	**Giáo viên Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ**	**4,32**	**01-05-2024**			**18%**	**01-05-2024**							**9.176.000**	**7.318.000**	**20,0**		**01-09-2024**	**50- 7/12**			☑		**247.068.000**	**27.528.000**	**219.540.000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									18%	01-05-2024					4,32	01-05-2024		36.703.000											
									17%	01-07-2023					4,32	01-07-2023		90.979.000											
									17%	01-06-2023					4,32	01-06-2023		0,000											
									17%	01-05-2023					4,32	01-05-2023		7.531,000											
									16%	01-03-2023					4,32	01-03-2023		14.933,000											
									16%	01-05-2022					3,99	01-05-2022		68.963,000											
									15%	01-05-2021					3,99	01-05-2021		82.042,000											
									14%	01-05-2020					3,99	01-05-2020		81.329,000											

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
									13%	01-03-2020					3,99	01-03-2020		13.436,000												
									13%	01-08-2019					3,66	01-08-2019		43.136,000												

Danh sách này ấn định 02 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (02)																										**295.359,000**	**0,000**	**295.359,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (01)**																										**139.230,000**	**0,000**	**139.230,000**	
1	**Vũ Ngọc Cường**	**29-04-1965**	**Đại học Bách khoa Hà Nội**	**Chuyên viên, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng**	**4,98**	**01-06-2024**					**9%**	**01-06-2024**					**9.771,000**	**8.190,000**	**29,0**		**01-08-2024**	**59- 4/12**	☑				**139.230,000**		**139.230,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
											9%	01-06-2024			4,98	01-06-2024		19.542,000												
											8%	01-07-2023			4,98	01-07-2023		106.492,000												
											8%	01-06-2023			4,98	01-06-2023		8.014,000												
											7%	01-06-2022			4,98	01-06-2022		95.275,000												
											6%	01-06-2021			4,98	01-06-2021		94.385,000												
											5%	01-06-2020			4,98	01-06-2020		93.495,000												
															4,98	01-08-2019		74.202,000												
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**156.129,000**	**0,000**	**156.129,000**	
2	**Vy Văn Hạnh**	**03-02-1965**	**Đại học Luật Kinh tế**	**Phó Chánh Văn phòng, Trung tâm Ứng dụng, phát triển KHCN và ĐLCLSP**	**4,06**	**01-09-2023**	**0,20**	**01-09-2023**			**8%**	**01-09-2023**					**8.253,000**	**7.017,000**	**39,5**		**01-07-2024**	**59- 5/12**	☑				**156.129,000**		**156.129,000**	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm đang đảm nhiệm, được bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (hiện đang giữ ngạch nhân viên, mã ngạch 01.005, dự kiến bố trí nhân viên hỗ trợ phục vụ)
							0,20	01-09-2023			8%	01-09-2023			4,06	01-09-2023		82.526,000												
							0,20	01-07-2023			7%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		16.359,000												
							0,20	01-09-2022			7%	01-09-2022			4,06	01-09-2022		67.709,000												
							0,20	01-06-2022			6%	01-06-2022			4,06	01-06-2022		20.131,000												
							0,30	01-09-2021			6%	01-09-2021			4,06	01-09-2021		61.734,000												
							0,30	01-09-2020			5%	01-09-2020			4,06	01-09-2020		81.586,000												
							0,30	00-01-1900							4,06	01-07-2019		90.950,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
																			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*

Danh sách này ấn định 02 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Y tế

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số				Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (02)																										**298.078,000**	**0,000**	**298.078,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (02)**																										**298.078,000**	**0,000**	**298.078,000**	
1	**Chu Thị Tuyên**	**09-07-1970**	**Trung cấp Y**	**Kỹ thuật y hạng IV, TYT xã Kháng Chiến thuộc TTYT huyện Tràng Định**	**4,06**	**01-10-2023**					**7%**	**01-10-2023**					**7.820.000**	**6.569.000**	**29,0**		**01-09-2024**	**54- 2/12**	☑				**131.381.000**		**131.381.000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
											7%	01-10-2023			4,06	01-10-2023		86.015.000												
											6%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		23.239.000												
											6%	01-10-2022			4,06	01-10-2022		57.711.000												
											5%	01-10-2021			4,06	01-10-2021		76.222.000												
															4,06	01-10-2019		145.186.000												
															3,86	01-09-2019		5.751.000												
2	**Lương Văn Chức**	**26-06-1966**	**Đại học, Bác sĩ Đa khoa**	**Bác sĩ (hạng III), TYT xã Quý Hoà, TTYT huyện Bình Gia**	**4,98**	**01-07-2023**											**8.964.000**	**7.492.000**	**30,5**		**01-07-2024**	**58- 1/12**	☑				**166.697.000**		**166.697.000**	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, 01 năm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2022), 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
															4,98	01-07-2023		107.568.000												
							0,20	01-06-2023							4,98	01-06-2023		7.718.000												
							0,20	01-06-2020							4,65	01-06-2020		260.154.000												
							0,20	01-07-2019							4,32	01-07-2019		74.083.000												

Danh sách này ấn định 02 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số:1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (01)																										**203.024,000**	**0,000**	**203.024,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**203.024,000**	**0,000**	**203.024,000**	
1	**Vi Văn Thụ**	**19-04-1966**	**Cao đẳng Kế toán, kiểm toán**	**Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm VHNT**	**4,89**	**01-05-2024**	**0,20**	**01-05-2024**			**8%**	**01-05-2024**					**9.866,000**	**8.203,000**	**35,5**		**01-07-2024**	**58- 3/12**	☑				**203.024,000**		**203.024,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,20	01-05-2024			8%	01-05-2024			4,89	01-05-2024		19.732,000												
							0,20	01-07-2023			7%	01-07-2023			4,89	01-07-2023		97.781,000												
							0,20	01-05-2023			7%	01-05-2023			4,89	01-05-2023		16.188,000												
							0,20	01-05-2022			6%	01-05-2022			4,89	01-05-2022		96.255,000												
							0,20	01-05-2021			5%	01-05-2021			4,89	01-05-2021		95.381,000												
							0,20	01-07-2019							4,89	01-07-2019		166.850,000												

Danh sách này ấn định 01 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Cao Lộc

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số (Làm tròn)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (04)																										**834.708,000**	**0,000**	**834.708,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (04)**																										**834.708,000**	**0,000**	**834.708,000**	
1	**Dương Công Quỳnh**	**02-05-1966**	**Đại học Quản lý giáo dục**	**Hiệu trưởng, Trường THCS xã Tân Thành**	**4,65**	**01-04-2024**	**0,35**	**01-04-2024**	**23%**	**01-04-2024**							**11.070.000**	**9.202.000**	**24,0**		**01-09-2024**	**58- 4/12**	☑				**174.838.000**		**174.838.000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,35	01-04-2024	23%	01-04-2024					4,65	01-04-2024		55.350.000												
							0,35	01-07-2023	22%	01-07-2023					4,65	01-07-2023		98.820.000												
							0,35	01-04-2023	22%	01-04-2023					4,65	01-04-2023		27.267.000												
							0,35	01-04-2022	21%	01-04-2022					4,65	01-04-2022		108.174.000												
							0,35	01-10-2021	20%	01-10-2021					4,65	01-10-2021		53.640.000												
							0,35	01-04-2021	20%	01-04-2021					4,32	01-04-2021		50.100.000												
							0,35	01-08-2020	19%	01-08-2020					4,32	01-08-2020		66.243.000												
							0,45	01-04-2020	19%	01-04-2020					4,32	01-04-2020		33.831.000												
							0,45	01-09-2019	18%	01-09-2019					4,32	01-09-2019		58.706.000												
2	**Lương Văn Ương**	**24-04-1971**	**Cao đẳng Văn - Sử**	**Giáo viên, Trường THCS xã Xuất Lễ**	**4,89**	**01-01-2024**			**29%**	**01-01-2024**							**11.355.000**	**9.414.000**	**31,0**	**25-2**	**01-09-2024**	**53- 5/12**	☑				**211.815.000**		**211.815.000**	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, 01 năm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (năm học 2021-2022), 01 năm hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
									29%	01-01-2024					4,89	01-01-2024		90.837.000												
									28%	01-07-2023					4,89	01-07-2023		67.599.000												
									28%	01-01-2023					4,89	01-01-2023		55.957.000												
									27%	01-01-2022					4,89	01-01-2022		111.040.000												
									26%	01-01-2021					4,58	01-01-2021		103.182.000												
									25%	01-01-2020					4,58	01-01-2020		102.363.000												
									24%	01-09-2019					4,58	01-09-2019		33.848.000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	**Hoàng Thị Khiêm**	**14-10-1970**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH&THCS xã Bảo Lâm**	**4,98**	**01-10-2023**			**31%**	**01-10-2023**	**6%**	**01-10-2023**					**12.447,000**	**10.202,000**	**33,0**		**01-08-2024**	**53- 10/12**	☑				**239.747,000**		**239.747,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									31%	01-10-2023	6%	01-10-2023			4,98	01-10-2023		124.474,000												
									31%	01-09-2023	5%	01-09-2023			4,98	01-09-2023		12.330,000												
									30%	01-07-2023	5%	01-07-2023			4,98	01-07-2023		24.472,000												
									30%	01-10-2022	5%	01-10-2022			4,98	01-10-2022		91.157,000												
									30%	01-09-2022					4,98	01-09-2022		9.646,000												
									29%	01-09-2021					4,98	01-09-2021		114.865,000												
									28%	01-09-2020					4,98	01-09-2020		113.974,000												
									27%	01-10-2019					4,98	01-10-2019		103.660,000												
									27%	01-09-2019					4,65	01-09-2019		8.799,000												
									26%	01-08-2019					4,65	01-08-2019		8.730,000												
4	**Hoàng Thuý Hoài**	**11-07-1971**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH Thạch Đạn**	**4,68**	**01-03-2024**			**25%**	**01-03-2024**							**10.530,000**	**8.590,000**	**28,5**		**01-09-2024**	**53- 2/12**	☑				**208.308,000**		**208.308,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									25%	01-03-2024					4,68	01-03-2024		63.180,000												
									24%	01-07-2023					4,68	01-07-2023		83.566,000												
									24%	01-03-2023					4,68	01-03-2023		34.587,000												
									23%	01-02-2023					4,68	01-02-2023		8.577,000												
									23%	01-09-2022					4,34	01-09-2022		39.770,000												
							0,15	01-03-2022	23%	01-03-2022					4,34	01-03-2022		49.373,000												
							0,15	01-05-2021	22%	01-05-2021					4,34	01-05-2021		81.619,000												
							0,15	01-03-2021	22%	01-03-2021					4,32	01-03-2021		16.251,000												
							0,15	01-09-2020	21%	01-09-2020					4,32	01-09-2020		48.354,000												
									21%	01-03-2020					4,32	01-03-2020		46.731,000												
									20%	01-02-2020					4,32	01-02-2020		7.724,000												
									20%	01-09-2019					3,99	01-09-2019		35.671,000												

Danh sách này ấn định 04 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Lộc Bình

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (04)																										**906.855,000**	**0,000**	**906.855,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (04)**																										**906.855,000**	**0,000**	**906.855,000**	
1	**Hoàng Hải Yến**	**24-06-1971**	**Đại học Giáo dục Mầm non**	**Phó Hiệu trưởng, Trường MN Hữu Khánh**	**4,98**	**01-03-2024**	**0,35**	**01-03-2024**	**33%**	**01-03-2024**							**12.760,000**	**10.168,000**	**33,5**		**01-07-2024**	**53- 1/12**	☑				**271.994,000**		**271.994,000**	
							0,35	01-03-2024	33%	01-03-2024					4,98	01-03-2024		51.040,000												Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,35	01-01-2024	32%	01-01-2024					4,98	01-01-2024		25.328,000												
							0,35	01-08-2023	32%	01-08-2023					4,98	01-08-2023		0,000												
							0,35	01-07-2023	32%	01-07-2023					4,98	01-07-2023		12.664,000												
							0,35	01-03-2023	32%	01-03-2023					4,98	01-03-2023		41.932,000												
							0,35	01-03-2022	31%	01-03-2022					4,98	01-03-2022		124.844,000												
							0,35	01-09-2021	30%	01-09-2021					4,98	01-09-2021		61.945,000												
							0,35	01-03-2021	30%	01-03-2021					4,65	01-03-2021		58.110,000												
							0,35	01-09-2020	29%	01-09-2020					4,65	01-09-2020		57.663,000												
							0,30	01-03-2020	29%	01-03-2020					4,65	01-03-2020		57.086,000												
							0,30	01-07-2019	28%	01-07-2019					4,65	01-07-2019		75.525,000												
							0,30	01-03-2019	28%	01-03-2019					4,65	01-03-2019		35.228,000												
							0,30	01-02-2019	27%	01-02-2019					4,65	01-02-2019		8.738,000												
2	**Ngô Thị Hiếu**	**12-10-1969**	**Cao đẳng sư phạm Toán**	**Giáo viên, Trường TH&THCS Tĩnh Bắc**	**4,89**	**01-05-2024**	**0,20**	**01-05-2024**	**31%**	**01-05-2024**	**6%**	**01-05-2024**					**12.694,000**	**10.137,000**	**33,0**		**01-07-2024**	**54- 9/12**	☑				**192.604,000**		**192.604,000**	
							0,20	01-05-2024	31%	01-05-2024	6%	01-05-2024			4,89	01-05-2024		25.388,000												Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan,
							0,20	01-09-2023	30%	01-09-2023	5%	01-09-2023			4,89	01-09-2023		99.862,000												
							0,20	01-07-2023	30%	01-07-2023	5%	01-07-2023			4,89	01-07-2023		24.965,000												
							0,20	01-05-2023	30%	01-05-2023	5%	01-05-2023			4,89	01-05-2023		20.666,000												
							0,20	01-05-2022	29%	01-05-2022					4,89	01-05-2022		117.402,000												
							0,20	01-05-2021	28%	01-05-2021					4,89	01-05-2021		116.492,000												
							0,20	01-09-2020	27%	01-09-2020					4,89	01-09-2020		77.054,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
							0,15	01-08-2020	27%	01-08-2020					4,89	01-08-2020		9.537,000												đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,15	01-05-2020	27%	01-05-2020					4,89	01-05-2020		28.612,000												
							0,15	01-09-2019	26%	01-09-2019					4,58	01-09-2019		71.041,000												
									26%	01-07-2019					4,58	01-07-2019		17.197,000												
3	**Triệu Thị Hòa**	**24-06-1971**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH Tú Đoạn**	**4,65**	**01-05-2024**			**28%**	**01-05-2024**							**10.714,000**	**8.322,000**	**29,0**		**01-07-2024**	**53- 1/12**	☑				**203.889,000**		**203.889,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									28%	01-05-2024					4,65	01-05-2024		21.427,000												
									27%	01-07-2023					4,32	01-07-2023		98.755,000												
									27%	01-05-2023					4,32	01-05-2023		16.349,000												
									26%	01-05-2022					4,32	01-05-2022		97.324,000												
									25%	01-05-2021					4,32	01-05-2021		96.552,000												
									24%	01-05-2020	5%	01-05-2020			4,06	01-05-2020		94.516,000												
									23%	01-07-2019					4,06	01-07-2019		74.408,000												
4	**Vi Thị Chung**	**17-06-1971**	**Trung cấp sư phạm 12+2**	**Giáo viên, Trường TH Tú Đoạn**	**4,06**	**01-03-2024**			**31%**	**01-03-2024**	**13%**	**01-03-2024**					**10.818,000**	**8.995,000**	**33,0**		**01-07-2024**	**53- 1/12**	☑				**238.368,000**		**238.368,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									31%	01-03-2024	13%	01-03-2024			4,06	01-03-2024		43.272,000												
									31%	01-10-2023	12%	01-10-2023			4,06	01-10-2023		53.611,000												
									30%	01-07-2023	12%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		31.921,000												
									30%	01-10-2022	12%	01-10-2022			4,06	01-10-2022		79.271,000												
									29%	01-09-2022	12%	01-09-2022			4,06	01-09-2022		8.740,000												
									29%	01-10-2021	11%	01-10-2021			4,06	01-10-2021		95.283,000												
									28%	01-09-2021	11%	01-09-2021			4,06	01-09-2021		8.595,000												
									28%	01-10-2020	10%	01-10-2020			4,06	01-10-2020		93.693,000												
									27%	01-09-2020	10%	01-09-2020			4,06	01-09-2020		8.451,000												
									27%	01-10-2019	9%	01-10-2019			4,06	01-10-2019		92.116,000												
									26%	01-09-2019	9%	01-09-2019			4,06	01-09-2019		8.308,000												
									26%	01-07-2019	8%	01-07-2019			4,06	01-07-2019		16.464,000												

Danh sách này ấn định 04 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Văn Lãng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (04)																										**514.335,000**	**47.898,000**	**466.437,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (03)**																										**287.971,000**	**47.898,000**	**240.073,000**	
1	**Nguyễn Minh Phúc**	**05-01-1965**	**Trung cấp LLCT**	**Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh thị trấn Na Sầm**	**2,66**	**01-03-2024**	**0,15**	**01-03-2024**									**5.058,000**	**3.846,000**	**8,5**		**01-07-2024**	**59- 6/12**			☑		**64.211,000**	**15.174,000**	**49.037,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,15	01-03-2024							2,66	01-03-2024		20.232,000												
							0,15	01-07-2023							2,46	01-07-2023		37.584,000												
							0,15	01-03-2022							2,46	01-03-2022		62.222,000												
							0,15	01-09-2020							2,26	01-09-2020		64.636,000												
							0,15	01-07-2019							2,06	01-07-2019		46.101,000												
2	**Hà Thị Huệ**	**04-11-1981**	**Trung cấp, Kinh tế nông nghiệp**	**Công chức Địa chính - NN, XD và MT UBND xã Hội Hoan**	**3,06**	**01-04-2024**											**5.508,000**	**4.367,000**	**16,5**		**01-07-2024**	**42- 8/12**			☑		**124.607,000**	**16.524,000**	**108.083,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
															3,06	01-04-2024		16.524,000												
															2,86	01-07-2023		46.332,000												
															2,86	01-04-2022		63.921,000												
															2,66	01-07-2021		35.671,000												
							0,20	01-04-2020							2,66	01-04-2020		63.921,000												
							0,20	01-07-2019							2,46	01-07-2019		35.671,000												
3	**Hoàng Văn Cảnh**	**04-03-1989**	**Đại học Quản lý Văn hóa**	**Công chức Văn hóa - xã hội, UBND xã Thụy Hùng**	**3,00**	**01-07-2023**											**5.400,000**	**4.254,000**	**13,0**		**01-07-2024**	**35- 4/12**			☑		**99.153,000**	**16.200,000**	**82.953,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện
															3,00	01-07-2023		64.800,000												
															3,00	01-03-2023		17.880,000												
															2,67	01-03-2020		143.219,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giản biên chế	Tuổi khi tính giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
									8%	01-02-2020					2,46	01-02-2020		3.959,000												tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									8%	01-10-2019					2,26	01-10-2019		14.547,000												
									7%	01-07-2019					2,26	01-07-2019		10.809,000												
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**226.364,000**	**0,000**	**226.364,000**	
4	**Chu Thị Phấn**	**09-08-1971**	**Cao đẳng sư phạm Mầm non**	**Giáo viên, Trường MN xã Bắc La**	**4,89**	**01-05-2024**			**30%**	**01-05-2024**							**11.443,000**	**8.877,000**	**31,0**		**01-09-2024**	**53- 1/12**	☑				**226.364,000**		**226.364,000**	
									30%	01-05-2024					4,89	01-05-2024		45.770,000												Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									29%	01-01-2024					4,58	01-01-2024		42.539,000												
									29%	01-12-2023					4,58	01-12-2023		0,000												
									29%	01-08-2023					4,58	01-08-2023		42.539,000												
									29%	01-05-2023					4,58	01-05-2023		0,000												
									28%	01-05-2022					4,58	01-05-2022		104.820,000												
									27%	01-05-2021					4,58	01-05-2021		104.001,000												
									26%	01-05-2020	7%	01-05-2020			4,06	01-05-2020		97.870,000												
									25%	01-07-2019	6%	01-07-2019			4,06	01-07-2019		80.155,000												
									25%	01-05-2019	6%	01-05-2019			4,06	01-05-2019		14.955,000												

Danh sách này ấn định 04 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 02 /7 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Bình Gia

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (01)																										**174.686,000**	**0,000**	**174.686,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**174.686,000**	**0,000**	**174.686,000**	
1	**Vũ Thị Tính**	**03-08-1969**	**Đại học sư phạm Ngữ văn**	**Phó Hiệu trưởng, Trường PTDTBT THCS Hòa Bình**	**5,02**	**01-12-2023**	**0,45**	**01-12-2023**	**28%**	01-12-2023							**12.603,000**	**10.587,000**	**31**		**01-09-2024**	**55- 1/12**	☑				**174.686,000**		**174.686,000**	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, 01 năm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (năm học 2021-2022), 01 năm hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
							0,45	01-12-2023	28%	01-12-2023					5,02	01-12-2023		113.426,000											
							0,45	01-09-2023	27%	01-09-2023					5,02	01-09-2023		37.513,000											
							0,55	01-07-2023	27%	01-07-2023					5,02	01-07-2023		25.466,000											
							0,55	01-12-2022	27%	01-12-2022					5,02	01-12-2022		73.781,000											
							0,55	01-12-2021	26%	01-12-2021					5,02	01-12-2021		125.485,000											
							0,55	01-09-2021	25%	01-09-2021					4,65	01-09-2021		29.055,000											
							0,45	01-06-2021	25%	01-06-2021					4,65	01-06-2021		28.496,000											
							0,55	01-12-2020	25%	01-12-2020					4,65	01-12-2020		58.110,000											
							0,55	01-12-2019	24%	01-12-2019					4,65	01-12-2019		115.290,000											
							0,55	01-09-2019	23%	01-09-2019					4,65	01-09-2019		28.590,000											

Danh sách này ấn định 01 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 02 /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Đình Lập

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (06)																										**1.313.731,000**	**35.748,000**	**1.277.983,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (03)**																										**601.031,000**	**35.748,000**	**565.283,000**	
1	**Nguyễn Trường Sơn**	**29-12-1966**	**Đại học, Cơ khí chế tạo máy**	**Công chức phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**4,32**	**01-07-2023**											**7.776,000**	**6.323,000**	**21,5**		**01-09-2024**	**57- 9/12**	☑				**121.718,000**		**121.718,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
															4,32	01-07-2023		108.864,000												
															4,32	01-05-2023		12.874,000												
															3,99	01-05-2020		214.024,000												
															3,66	01-09-2019		43.627,000												
2	**Hoàng Văn Vương**	**16-08-1971**	**Trung cấp LLCT**	**Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Đồng Thắng**	**3,06**	**01-10-2023**	**0,25**	**01-10-2023**									**5.958,000**	**5.112,000**	**32,0**		**01-07-2024**	**52- 11/12**			☑		**263.250,000**	**17.874,000**	**245.376,000**	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ.
							0,25	01-10-2023							3,06	01-10-2023		53.622,000												
							0,30	01-08-2023	8%	01-08-2023					3,06	01-08-2023		13.064,000												
							0,30	01-07-2023	7%	01-07-2023					3,06	01-07-2023		6.471,000												
							0,30	01-11-2022	7%	01-11-2022					3,06	01-11-2022		42.855,000												
							0,30	01-08-2022	7%	01-08-2022					2,86	01-08-2022		15.114,000												
							0,30	01-08-2021	6%	01-08-2021					2,86	01-08-2021		59.891,000												
							0,30	01-11-2020	5%	01-11-2020					2,86	01-11-2020		44.494,000												
							0,30	01-08-2020	5%	01-08-2020					2,66	01-08-2020		13.893,000												
							0,30	01-07-2019							2,66	01-07-2019		57.335,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	**Vi Văn Thọ**	**10-07-1973**	**Trung cấp Hành chính**	**Phó Chủ tịch UBND xã Đồng Thắng**	**3,06**	**01-12-2023**	**0,25**	**01-12-2023**									**5.958,000**	**4.636,000**	**28,5**		**01-07-2024**	**51**			☑		**216.063,000**	**17.874,000**	**198.189,000**	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ.
							0,25	01-12-2023							3,06	01-12-2023		41.706,000												
							0,25	01-10-2023							2,86	01-10-2023		11.196,000												
							0,20	01-07-2023							2,86	01-07-2023		16.524,000												
							0,20	01-12-2021							2,86	01-12-2021		86.629,000												
							0,20	01-12-2019							2,66	01-12-2019		102.274,000												
							0,20	01-07-2019							2,46	01-07-2019		19.817,000												
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (03)**																										**712.700,000**	**0,000**	**712.700,000**	
4	**Sầm Thị Hạnh**	**25-07-1971**	**Cao đẳng Nhà trẻ Mẫu giáo**	**Giáo viên, Trường MN thị trấn Đình Lập**	**4,89**	**01-02-2024**			**31%**	**01-02-2024**	**6%**	**01-02-2024**					**12.222,000**	**10.197,000**	**32,5**		**01-09-2024**	**53- 2/12**	☑				**267.671,000**		**267.671,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									31%	01-02-2024	6%	01-02-2024			4,89	01-02-2024		85.557,000												
									30%	01-07-2023	5%	01-07-2023			4,89	01-07-2023		84.103,000												
									30%	01-02-2023	5%	01-02-2023			4,89	01-02-2023		49.728,000												
									29%	01-09-2022					4,89	01-09-2022		46.995,000												
							0,20	01-02-2022	29%	01-02-2022					4,89	01-02-2022		68.484,000												
							0,20	01-02-2021	28%	01-02-2021					4,89	01-02-2021		116.492,000												
							0,20	01-02-2020	27%	01-02-2020					4,89	01-02-2020		115.582,000												
							0,20	01-09-2019	26%	01-09-2019					4,58	01-09-2019		44.870,000												
5	**Nông Thị Liên**	**16-08-1971**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH xã Đình Lập**	**4,98**	**01-07-2024**			**29%**	**01-07-2024**							**11.564,000**	**9.102,000**	**31,0**		**01-09-2024**	**53- 1/12**	☑				**232.101,000**		**232.101,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ
									29%	01-07-2024					4,98	01-07-2024		23.127,000												
									29%	01-09-2023					4,65	01-09-2023		107.973,000												
									28%	01-07-2023					4,65	01-07-2023		21.427,000												
									28%	01-09-2022					4,65	01-09-2022		88.685,000												
									27%	01-09-2021					4,65	01-09-2021		105.590,000												
									26%	01-05-2021					4,65	01-05-2021		34.920,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
																			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
									26%	01-01-2021					4,58	01-01-2021		34.394,000												quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									26%	01-09-2020	8%	01-09-2020			4,06	01-09-2020		32.928,000												
									25%	01-09-2019	7%	01-09-2019			4,06	01-09-2019		97.093,000												
6	**Hoàng Thị Loan**	**10-07-1971**	**Cao đẳng Văn - Sử**	**Giáo viên, Trường PTDTBT TH&THCS xã Bắc Lãng**	**4,58**	**01-02-2024**			**26%**	**01-02-2024**							**10.387,000**	**8.872,000**	**28,0**		**01-09-2024**	**53- 2/12**	☑				**212.928,000**		**212.928,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									26%	01-02-2024					4,58	01-02-2024		72.712,000												
									25%	01-09-2023					4,58	01-09-2023		51.525,000												
							0,20	01-07-2023	25%	01-07-2023					4,58	01-07-2023		21.510,000												
							0,20	01-02-2023	25%	01-02-2023					4,58	01-02-2023		44.514,000												
							0,20	01-02-2022	24%	01-02-2022					4,58	01-02-2022		105.978,000												
							0,20	01-02-2021	23%	01-02-2021					4,27	01-02-2021		98.306,000												
							0,20	01-02-2020	22%	01-02-2020					4,27	01-02-2020		97.507,000												
							0,20	01-09-2019	21%	01-09-2019					4,27	01-09-2019		40.295,000												

Danh sách này ấn định 06 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 02 /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Chi Lăng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (04)																										**971.539,000**	**0,000**	**971.539,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (04)**																										**971.539,000**	**0,000**	**971.539,000**	
1	**Nguyễn Thị Thiêm**	**12-08-1971**	**Đại học Giáo dục Mầm non**	**Phó Hiệu trưởng, Trường MN xã Bằng Mạc**	**4,98**	**01-05-2024**	**0,35**	**01-05-2024**	**32%**	**01-05-2024**							**12.664,000**	**10.484,000**	**33,0**		**01-09-2024**	**53- 1/12**	☑				**277.826,000**		**277.826,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,35	01-05-2024	32%	01-05-2024					4,98	01-05-2024		50.656,000												
							0,35	01-07-2023	31%	01-07-2023					4,98	01-07-2023		125.681,000												
							0,35	01-05-2023	31%	01-05-2023					4,98	01-05-2023		20.807,000												
							0,35	01-05-2022	30%	01-05-2022					4,98	01-05-2022		123.891,000												
							0,35	01-01-2022	29%	01-01-2022					4,98	01-01-2022		40.979,000												
							0,35	01-05-2021	29%	01-05-2021					4,65	01-05-2021		76.884,000												
							0,35	01-05-2020	28%	01-05-2020					4,65	01-05-2020		114.432,000												
							0,35	01-09-2019	27%	01-09-2019					4,65	01-09-2019		75.692,000												
2	**Vi Thị Hường**	**11-05-1971**	**Đại học Giáo dục Mầm non**	**Phó Hiệu trưởng, Trường MN TT Chi Lăng**	**4,98**	**01-06-2024**	**0,35**	**01-06-2024**	**32%**	**01-06-2024**	**5%**	**01-06-2024**					**13.256,000**	**10.601,000**	**33,0**		**01-08-2024**	**53- 3/12**	☑				**280.927,000**		**280.927,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,35	01-06-2024	32%	01-06-2024	5%	01-06-2024			4,98	01-06-2024		26.511,000												
							0,35	01-05-2024	31%	01-05-2024	5%	01-05-2024			4,98	01-05-2024		13.155,000												
							0,35	01-07-2023	31%	01-07-2023					4,98	01-07-2023		125.681,000												
							0,35	01-06-2023	31%	01-06-2023					4,98	01-06-2023		10.404,000												
							0,35	01-06-2022	30%	01-06-2022					4,98	01-06-2022		123.891,000												
							0,35	01-06-2021	29%	01-06-2021					4,98	01-06-2021		122.938,000												
							0,35	01-11-2020	28%	01-11-2020					4,98	01-11-2020		71.158,000												
							0,35	01-06-2020	28%	01-06-2020					4,65	01-06-2020		47.680,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
																			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
							0,35	01-08-2019	27%	01-08-2019					4,65	01-08-2019		94.615,000												
3	**Vi Thị Ngoan**	**05-06-1971**	**Đại học Giáo dục Mầm non**	**Giáo viên MN hạng II, Trường MN Ánh Dương**	**4,98**	**01-04-2024**			**31%**	**01-04-2024**							**11.743,000**	**9.416,000**	**32,0**		**01-08-2024**	**53- 2/12**	☑				**244.816,000**		**244.816,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									31%	01-04-2024					4,98	01-04-2024		46.971,000												
									30%	01-07-2023					4,98	01-07-2023		104.879,000												
									30%	01-04-2023					4,98	01-04-2023		28.939,000												
									29%	01-04-2022					4,65	01-04-2022		107.253,000												
									28%	01-04-2021					4,65	01-04-2021		106.422,000												
									27%	01-04-2020					4,65	01-04-2020		105.590,000												
									26%	01-08-2019					4,32	01-08-2019		64.883,000												
4	**Nông Thị Yến**	**04-05-1971**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên Tiểu học hạng II, Trường TH 2 TT Đồng Mỏ**	**4,34**	**01-03-2024**			**23%**	**01-03-2024**							**9.609,000**	**7.635,000**	**24,0**		**01-08-2024**	**53- 3/12**	☑				**167.970,000**		**167.970,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									23%	01-03-2024					4,34	01-03-2024		48.044,000												
									22%	01-07-2023					4,34	01-07-2023		76.245,000												
									22%	01-03-2023					4,34	01-03-2023		31.557,000												
									21%	01-03-2022					4,00	01-03-2022		86.539,000												
									20%	01-05-2021					4,00	01-05-2021		71.520,000												
									20%	01-03-2021					3,99	01-03-2021		14.268,000												
									19%	01-03-2020					3,99	01-03-2020		84.896,000												
									18%	01-08-2019					3,66	01-08-2019		45.045,000												

Danh sách này ấn định 04 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165 /QĐ-UBND ngày 02 / 7 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Hữu Lũng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (02)																										**255.211,000**	**14.094,000**	**241.117,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (01)**																										**54.078,000**	**14.094,000**	**39.984,000**	
1	**Hoàng Văn Trung**	**18-05-1974**	**Trung cấp Hành chính**	**Chủ tịch Hội Nông dân xã Nhật Tiến**	**2,46**	**01-11-2023**	**0,15**	**01-11-2023**									**4.698,000**	**3.332,000**	**8,0**		**01-07-2024**	**50- 2/12**			☑		**54.078,000**	**14.094,000**	**39.984,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,15	01-11-2023							2,46	01-11-2023		0,000												
							0,15	01-10-2023							2,46	01-10-2023		4.698,000												
							0,15	01-07-2023							2,26	01-07-2023		13.014,000												
							0,15	01-04-2022							2,26	01-04-2022		53.864,000												
							0,15	01-04-2020							2,06	01-04-2020		79.030,000												
							0,15	01-07-2019							1,86	01-07-2019		26.954,000												
							0,15	01-11-2018							1,86	01-11-2018		22.351,000												
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**201.133,000**	**0,000**	**201.133,000**	
2	**Nguyễn Ngọc Lan**	**19-05-1966**	**Đại học Giáo dục Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH1 thị trấn Hữu Lũng**	**5,02**	**01-11-2023**					**28%**	**01-11-2023**					**11.566,000**	**9.355,000**	**29,0**		**01/09/2024**	**58- 4/12**	☑				**201.133,000**		**201.133,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
											28%	01-11-2023			5,02	01-11-2023		115.661,000												
											27%	01-07-2023			5,02	01-07-2023		45.903,000												
											27%	01-12-2022			5,02	01-12-2022		66.495,000												
											27%	01-11-2022			4,68	01-11-2022		8.856,000												
											26%	01-11-2021			4,68	01-11-2021		105.435,000												
											25%	01-05-2021			4,68	01-05-2021		52.299,000												
											25%	01-11-2020			4,65	01-11-2020		51.964,000												
											24%	01-06-2020			4,65	01-06-2020		42.957,000												
											24%	01-11-2019			4,32	01-11-2019		55.871,000												
											23%	01-09-2019			4,32	01-09-2019		15.835,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*

Danh sách này ấn định 02 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1165/QĐ-UBND ngày 02 / 7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Văn Quan

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (06)																										**1.374.478,000**	**61.176,000**	**1.313.302,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (03)**																										**316.963,000**	**0,000**	**316.963,000**	
1	**Triệu Thị Dậu**	**12-08-1969**	**Trung cấp Thống kê, kế toán**	**Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã An Sơn**	**4,06**	**01-07-2023**											**7.308,000**	**5.985,000**	**24,0**		**01/09/2024**	**55- 1/12**	☑				**85.113,000**		**85.113,000**	Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Nghị quyết 818/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 và Phương án sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư của UBND huyện Văn Quan)
															4,06	01-07-2023		102.312,000												
															4,06	01-05-2023		12.099,000												
															3,86	01-11-2021		103.525,000												
															3,66	01-11-2019		130.882,000												
															3,46	01-09-2019		10.311,000												
2	**Bế Văn Mùi**	**15-06-1969**	**Trung cấp Chăn nuôi - Thú y**	**Công chức Địa chính - NN-XD và MT UBND xã Liên Hội**	**3,26**	**01-07-2023**											**5.868,000**	**4.776,000**	**27,0**		**01/07/2024**	**55- 1/12**	☑				**99.546,000**		**99.546,000**	Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Nghị quyết 818/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 và Phương án sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư của UBND huyện Văn Quan)
															3,26	01-07-2023		70.416,000												
															3,26	01-04-2023		14.572,000												
															3,06	01-04-2021		109.426,000												
															2,86	01-01-2020		63.921,000												
							0,30	01-07-2019							2,86	01-07-2019		28.250,000												
3	**Vy Thị Bông**	**01-11-1972**	**Cử nhân Kế toán**	**Công chức Tài chính - Kế toán UBND xã Bình Phúc**	**4,32**	**01-05-2024**											**7.776,000**	**6.032,000**	**26,0**		**01/07/2024**	**51- 8/12**	☑				**132.304,000**		**132.304,000**	Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Nghị quyết 818/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 và Phương án sắp xếp cán bộ, công
															4,32	01-05-2024		15.552,000												
															3,99	01-07-2023		71.820,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
															3,99	01-05-2021		154.573,000											chức dôi dư của UBND huyện Văn Quan)
															3,66	01-07-2019		119.975,000											
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (03)**																										**1.057.515,000**	**61.176,000**	**996.339,000**	
4	**Nông Thị Nghĩa**	**30-03-1971**	**Cao đẳng sư phạm Tiểu học**	**Giáo viên, Trường TH1 thị trấn Văn Quan**	**4,89**	**01-06-2024**	**0,20**	**01-06-2024**	**30%**	**01-06-2024**	**7%**	**01-06-2024**					**12.712,000**	**10.181,000**	**32,0**		**01/07/2024**	**53- 4/12**	☑				**249.435,000**		**249.435,000**	
							0,20	01-06-2024	30%	01-06-2024	7%	01-06-2024			4,89	01-06-2024		12.712,000												Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
							0,20	01-10-2023	30%	01-10-2023	6%	01-10-2023			4,89	01-10-2023		100.777,000												
							0,15	01-09-2023	29%	01-09-2023	6%	01-09-2023			4,89	01-09-2023		12.384,000												
									29%	01-07-2023	6%	01-07-2023			4,89	01-07-2023		24.072,000												
									29%	01-06-2023	6%	01-06-2023			4,89	01-06-2023		9.963,000												
									29%	01-10-2022	5%	01-10-2022			4,89	01-10-2022		78.952,000												
									28%	01-06-2022	5%	01-06-2022			4,89	01-06-2022		39.170,000												
									28%	01-10-2021					4,89	01-10-2021		74.610,000												
									27%	01-09-2021					4,89	01-09-2021		9.253,000												
							0,20	01-10-2020	27%	01-10-2020					4,89	01-10-2020		105.950,000												
							0,20	01-10-2019	26%	01-10-2019					4,89	01-10-2019		114.672,000												
							0,20	01-08-2019	25%	01-08-2019					4,89	01-08-2019		18.960,000												
							0,15	01-07-2019	25%	01-07-2019					4,89	01-07-2019		9.387,000												
5	**Nông Thị Hà**	**04-08-1973**	**Trung cấp sư phạm Mầm non**	**Giáo viên, Trường MN Liên Hội**	**4,06**	**01-04-2024**			**28%**	**01-04-2024**	**9%**	**01-04-2024**					**10.196,000**	**8.404,000**	**29,0**		**01/07/2024**	**50- 11/12**			☑		**396.162,000**	**30.588,000**	**365.574,000**	
									28%	01-04-2024	9%	01-04-2024			4,06	01-04-2024		30.588,000												Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									27%	01-07-2023	8%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		90.213,000												
									27%	01-04-2023	8%	01-04-2023			4,06	01-04-2023		24.892,000												
									26%	01-04-2022	7%	01-04-2022			4,06	01-04-2022		97.870,000												
									25%	01-04-2021	6%	01-04-2021			4,06	01-04-2021		96.185,000												
									24%	01-08-2020	5%	01-08-2020			4,06	01-08-2020		63.011,000												
							0,15	01-04-2020	24%	01-04-2020	5%	01-04-2020			4,06	01-04-2020		32.614,000												
							0,15	01-09-2019	23%	01-09-2019					4,06	01-09-2019		54.010,000												
									23%	01-07-2019					4,06	01-07-2019		14.882,000												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
6	**Hoàng Thị Linh**	**03-10-1973**	**Trung cấp sư phạm Mầm non**	**Giáo viên, Trường MN Lương Năng**	**4,06**	**01-09-2023**			**28%**	**01-09-2023**	**9%**	**01-09-2023**					**10.196,000**	**8.474,000**	**30,0**		**01/07/2024**	**50- 9/12**			☑		**411.918,000**	**30.588,000**	**381.330,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2023), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
									28%	##########	9%	01-09-2023			4,06	01-09-2023		101.961,000											
									27%	##########	8%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		20.047,000											
									27%	##########	8%	01-09-2022			4,06	01-09-2022		82.974,000											
									26%	##########	7%	01-09-2021			4,06	01-09-2021		97.870,000											
									25%	##########	6%	01-09-2020			4,06	01-09-2020		96.185,000											
									24%	##########	5%	01-09-2019			4,06	01-09-2019		94.516,000											
									23%	##########		01-07-2019			4,06	01-07-2019		14.882,000											

Danh sách này ấn định 06 người./.